

## HIỆP ĐỊNH EVFTA: NHẬN THỨC VỀ CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH GỖ

Nguyễn Ngọc Quý\*, Trần Thị Thu Hải  
Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

### TÓM TẮT

Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu chính thức có hiệu lực đã mở ra nhiều cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành gỗ nói riêng. Tuy nhiên, nhận thức về các cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp ngành gỗ khi Việt Nam gia nhập EVFTA đang là vấn đề còn nhiều quan điểm khác biệt. Chính vì vậy, việc tiến hành các nghiên cứu trên nhiều góc độ khác nhau là cần thiết. Bài viết này nhằm trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: *Doanh nghiệp gỗ nhận thức được các cơ hội và thách thức nào từ Hiệp định EVFTA?*. Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn 34 người từ 05 doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc nhận thức về cơ hội và thách thức của doanh nghiệp có sự khác biệt rất lớn tùy theo quy mô doanh nghiệp, mô hình kinh doanh hiện tại và cách nhìn nhận về tương lai doanh nghiệp. Tuy nhiên, với những hạn chế nhất định của nghiên cứu định tính là khả năng khái quát, nhóm nghiên cứu đề xuất mở rộng nghiên cứu với một số lượng mẫu đủ lớn để có thể đưa ra nhận định toàn diện hơn về cơ hội và thách thức của doanh nghiệp ngành gỗ khi Việt Nam gia nhập EVFTA.

**Từ khóa:** *EVFTA; ngành gỗ; cơ hội; thách thức; doanh nghiệp.*

*Ngày nhận bài: 12/9/2020; Ngày hoàn thiện: 19/10/2020; Ngày đăng: 03/12/2020*

## THE EVFTA: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FROM THE VIEW OF WOOD-BASED INDUSTRY ENTERPRISES

Nguyen Ngoc Quy\*, Tran Thi Thu Hai  
VNU - University of Economics and Business

### ABSTRACT

The European Union Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) has opened up many opportunities and challenges for the Vietnamese economy in general and the wood industry in particular. However, the perception of opportunities and challenges for wood-based industry enterprises is currently various. Therefore, conducting research on different approaches is needed. This paper aims to answer the research question: *What opportunities and challenges do wood-based industry enterprises recognize from the EVFTA?* A qualitative research was conducted with 34 interviewees from 05 enterprises. The results show that perception of opportunities and challenges of enterprises varies greatly depending on their size, business model and vision on their future. However, as generalisation is limited in qualitative research, we suggest other researchers to expand the research topic to a larger sample size which can give a more comprehensive statement about the opportunities and challenges of enterprises in wood industry.

**Keywords:** *EVFTA; wood industry; opportunities; challenges; enterprises.*

*Received: 12/9/2020; Revised: 19/10/2020; Published: 03/12/2020*

\* Corresponding author. Email: [nguyenquydhkt@gmail.com](mailto:nguyenquydhkt@gmail.com)

## 1. Đặt vấn đề

Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực từ ngày 01/8/2020 đã mở ra nhiều cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung [1] và ngành gỗ nói riêng [2]. Các lợi ích chính được dự đoán gồm: gia tăng phúc lợi xã hội và sức mạnh của nền kinh tế nói chung [3], cơ hội xuất khẩu sang thị trường EU với ưu đãi thuế quan, mở rộng nguồn cung hàng hóa nhập khẩu chất lượng tốt với giá cả hợp lý cho doanh nghiệp trong nước, cơ hội hợp tác và phát triển trong lĩnh vực kinh tế và thị trường, đa dạng hóa thị trường để không bị phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường nào. Bên cạnh đó, doanh nghiệp Việt phải đối mặt với nhiều thách thức. Trong đó, nổi bật là các thách thức về vấn đề cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn hàng hóa khắt khe của EU [4], bao gồm cả các quy định vừa mang tính truyền thống vừa tương đối tự phát nội bộ của EU đối với nguyên liệu gỗ [5]. Riêng đối với ngành gỗ Việt Nam, khó khăn nổi bật nhất là nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nước đang thiếu hụt [6]. Việt Nam đang phải nhập khẩu gỗ từ hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ với khoảng 160-170 loài và lượng nhập khẩu khoảng 4-4,5 triệu m<sup>3</sup> gỗ tròn [7] trong khi hiệp định EVFTA có những yêu cầu khắt khe đối với nguồn gốc nguyên vật liệu. Thực tế này đặt ra cho các doanh nghiệp kinh doanh gỗ và các sản phẩm gỗ (G&SPG) yêu cầu cấp thiết là phải tìm hiểu cặn kẽ các điều kiện kinh doanh, cũng như các cơ hội và thách thức khi tham gia vào thị trường chung của Hiệp định EVFTA. Tuy nhiên, nhận thức về các cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp ngành gỗ khi Việt Nam gia nhập EVFTA đang là vấn đề còn nhiều quan điểm khác biệt.

Theo một nghiên cứu gần đây, mặc dù đem lại những ưu đãi về thuế nhưng Hiệp định EVFTA sẽ không tạo được các động lực mới nhằm mở rộng thị trường cho các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU trong tương lai bởi vì 46,2% mặt hàng gỗ, chiếm 90% tổng số kim ngạch xuất khẩu vào EU

hiện đang ở mức 0%; số còn lại sẽ được đưa dần về mức 0% theo lộ trình sau khi EVFTA có hiệu lực nhưng số lượng này chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu vào EU [2]. Trong khi đó, nhiều tổ chức thương mại nhận định EU vẫn là thị trường tiềm năng cho ngành gỗ Việt Nam [8], [9]. Ngoài ra, các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng việc kết nối giữa nghiên cứu khoa học và thực tế hoạt động của ngành công nghiệp gỗ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn [10]. Chính vì vậy, việc tiến hành thêm các nghiên cứu trên nhiều góc độ khác nhau là cần thiết để có thể đưa ra những nhận định toàn diện về bức tranh của ngành gỗ trong bối cảnh Việt Nam gia nhập EVFTA.

Bài viết này nhằm trả lời cho câu hỏi nghiên cứu: *Doanh nghiệp gỗ nhận thức được các cơ hội và thách thức nào từ Hiệp định EVFTA?* Bắt đầu từ việc phân tích tổng quan về EVFTA và thực trạng G&SPG xuất khẩu vào EU, chúng tôi tiến hành phương pháp nghiên cứu định tính dựa trên phỏng vấn một số doanh nghiệp kinh doanh G&SPG. Phần tiếp theo của bài viết sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, thảo luận và đề xuất các hướng nghiên cứu tiếp theo.

## 2. Tổng quan về EVFTA và ngành gỗ

### 2.1. EVFTA

Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (gọi tắt là Hiệp định EVFTA) và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (gọi tắt là Hiệp định IPA) đã được khởi động và kết thúc sau một thập kỷ nỗ lực không ngừng nghỉ của cả hai bên. EVFTA là một Hiệp định chất lượng cao, hướng tới đảm bảo cân bằng lợi ích cho cả Việt Nam và EU. Những mốc thời gian chính trong quá trình đàm phán Hiệp định [11] gồm:

Tháng 10/2010: Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch EU đồng ý khởi động đàm phán Hiệp định EVFTA.

Tháng 6/2012: Bộ trưởng Bộ Công thương Việt Nam và Cao ủy Thương mại EU đã chính thức tuyên bố khởi động đàm phán Hiệp định EVFTA.

Tháng 12/2015: Kết thúc đàm phán và bắt đầu khởi động tiến trình rà soát pháp lý để chuẩn bị cho việc ký kết Hiệp định.

Tháng 6/2017: Hoàn thành rà soát pháp lý ở cấp kỹ thuật.

Tháng 9/2017: EU chính thức đề nghị Việt Nam tách nội dung bảo hộ đầu tư và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước với nhà đầu tư ra khỏi Hiệp định EVFTA thành một hiệp định riêng do phát sinh một số vấn đề mới liên quan đến thẩm quyền phê chuẩn các hiệp định thương mại tự do của EU hay từng nước hành viên. Theo đó, EVFTA sẽ tách thành hai Hiệp định gồm:

Hiệp định thương mại tự do bao gồm toàn bộ nội dung Hiệp định EVFTA hiện nay.

Hiệp định bảo hộ đầu tư (Hiệp định IPA) bao gồm nội dung bảo hộ đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư.

Ngày 30/6/2019: Việt Nam và EU chính thức ký kết EVFTA và IPA.

Ngày 30/3/2020: Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA.

Ngày 08/6/2020: Quốc hội khóa XIV nghị quyết phê chuẩn thông qua Hiệp định EVFTA.

Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực vào ngày 01/8/2020.

Hiệp định EVFTA gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính là: thương mại hàng hóa, quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản kỹ thuật trong thương mại, thương mại dịch vụ, đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và Phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, các vấn đề pháp lý - thể chế.

Theo thỏa thuận của Hiệp định EVFTA, sau 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết

dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%. Như vậy, gần 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn [1]. Đây chính là dấu mốc vô cùng quan trọng trong lịch sử kinh tế thương mại của đất nước [12].

## 2.2. Ngành gỗ Việt Nam

Gỗ và sản phẩm gỗ là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam vào EU. Hiện tại, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam sang EU vẫn đang có sự tăng trưởng đều đặn. Năm 2018 giá trị xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam sang EU đạt 510,82 triệu USD, chiếm 6% tổng giá trị xuất khẩu G&SPG của Việt Nam vào tất cả các thị trường, tăng 6% so với kim ngạch năm 2017. Năm 2019 xuất khẩu G&SPG của Việt Nam sang EU đạt 562,7 triệu USD, chiếm 5,4% tổng giá trị xuất khẩu các mặt hàng gỗ của cả Việt Nam trong cùng năm. Kim ngạch năm 2019 tăng 10% so với kim ngạch năm 2018. Trong 6 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu G&SPG của Việt Nam vào EU đạt 254,5 triệu USD, tăng 12% so với kim ngạch cùng kỳ năm 2019 [2]. Nhóm các mặt hàng gỗ xuất khẩu của Việt Nam vào EU rất đa dạng. Trong đó, các mặt hàng quan trọng, có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn gồm: bộ phận đồ gỗ, đồ gỗ nội thất, ghế, gỗ xây dựng và các loại ván. Trong số các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU, có tổng cộng 253 dòng hàng G&SPG của Việt Nam chịu tác động về thuế trong EVFTA, tương ứng với 253 mặt hàng G&SPG của Việt Nam khi xuất khẩu vào EU có thuế nhập khẩu 0%-10% trước khi EVFTA có hiệu lực [2].

Ngành gỗ Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng cơ hội mở rộng thị trường tại EU khi Việt Nam gia nhập EVFTA. Hiệp định EVFTA được cho là cơ hội lớn để xuất khẩu gỗ sang EU sớm chạm mốc 1 tỷ USD. Theo thỏa thuận trong Hiệp định EVFTA, ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực (1/8/2020), khoảng 83% dòng thuế, tương đương với 99% giá trị xuất khẩu gỗ sang EU được xóa bỏ thuế ngay lập tức. 17% dòng thuế còn lại (1% giá trị xuất khẩu), bao gồm gỗ dán, ván sợi, ván dăm...,

sẽ về 0% sau 5 năm [10]. Đặc biệt, việc Nghị viện châu Âu (MEPs) bỏ phiếu cấm sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần có hiệu lực vào năm 2021 tại tất cả các quốc gia thành viên của EU cũng là cơ hội lớn để các doanh nghiệp xuất khẩu các sản phẩm gia dụng bằng gỗ của Việt Nam nắm bắt cơ hội mở rộng thị trường sang EU [8]. Bên cạnh đó, việc cắt giảm thuế đối với thiết bị nhập khẩu từ EU vào Việt Nam và xóa bỏ thuế đối với một số dòng sản phẩm nhập khẩu của EU sẽ giúp doanh nghiệp Việt giảm chi phí sản xuất; tăng khả năng tiếp cận công nghệ hiện đại. Việc nhập khẩu gỗ từ châu Âu với chất lượng tốt, nguồn gốc rõ ràng giúp doanh nghiệp có thêm khả năng thâm nhập vào thị trường này – hình thành chuỗi cung ứng mới để mở rộng thị phần tại EU, gia tăng giá trị xuất khẩu. EU hiện đang là nhà cung cấp gỗ nguyên liệu đứng hàng thứ 4 cho Việt Nam [9]. Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, thị trường gỗ và sản phẩm gỗ của EU hiện đang có dung lượng 80-85 tỷ USD, lớn hơn rất nhiều so với giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam vào thị trường này [2].

Bên cạnh những cơ hội đó, cạnh tranh với các doanh nghiệp chế biến gỗ từ châu Âu được cho là thách thức nổi bật đối với doanh nghiệp Việt bởi vì các nghiên cứu trước đã chỉ ra rằng trong ngành gỗ, lợi thế về công nghệ sẽ đem lại những lợi thế vượt trội về số lượng và chất lượng cho các sản phẩm gỗ [13]. Bên cạnh đó, tìm nguồn cung gỗ đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn EU được cho là thách thức lớn đối với doanh nghiệp G&SPG. Đồng thời, doanh nghiệp gỗ Việt cần phải đổi mới và nâng cao năng lực để có thể gia tăng giá trị cho sản phẩm bởi vì gia tăng giá trị sản phẩm là cách duy nhất để cạnh tranh trong chuỗi giá trị của khu vực hội nhập [14]. Bên cạnh đó, Hiệp định EVIPA sẽ hỗ trợ và bảo hộ quá trình đầu tư tại Việt Nam, đồng nghĩa với việc thu hút nhà đầu tư trong lĩnh vực chế biến gỗ từ châu Âu vào Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư EU kinh doanh tại Việt Nam [15]. Đây vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn đối với ngành gỗ Việt Nam.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để trả lời cho câu hỏi nghiên cứu “Doanh nghiệp gỗ nhận thức được các cơ hội và thách thức nào từ Hiệp định EVFTA?”, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua việc lựa chọn trường hợp nghiên cứu là các doanh nghiệp kinh doanh G&SPG và phỏng vấn sâu đối với nhân sự thuộc các doanh nghiệp này. Phương pháp nghiên cứu định tính được chứng minh là phù hợp với các câu hỏi nghiên cứu cần có sự giải thích sâu về hiện tượng nghiên cứu [16] và trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu như *What* (cái gì), *How* (như thế nào), *Why* (vì sao) [17]. Bên cạnh việc thu thập dữ liệu thứ cấp từ các nguồn tài liệu tham khảo, các tác giả đã kết hợp với một số cộng sự thu thập dữ liệu về thực tế hoạt động tại 05 doanh nghiệp và tiến hành phỏng vấn sâu 34 người từ 05 doanh nghiệp này. Thời gian phỏng vấn là từ 15-60 phút, tùy thuộc vào điều kiện phỏng vấn và nội dung phỏng vấn. Phỏng vấn được tiến hành trực tiếp, hoặc qua điện thoại/gọi video. Cách lựa chọn mẫu để tiến hành phỏng vấn cơ bản dựa trên phương pháp chọn mẫu thuận tiện (*convenience sampling*). Áp dụng phương pháp chọn mẫu này, các tác giả đã lựa chọn doanh nghiệp phỏng vấn chủ yếu dựa trên hai tiêu chí: phù hợp với câu hỏi nghiên cứu và khả năng tiếp cận. Tất cả các doanh nghiệp được phỏng vấn đều thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng. Trong 05 doanh nghiệp nghiên cứu, có 03 doanh nghiệp đã tham gia vào chuỗi cung ứng G&SPG sang EU; 02 doanh nghiệp hiện đang sản xuất SPG cho thị trường nội địa. Thông tin về doanh nghiệp tham gia nghiên cứu được tổng hợp tại Bảng 1.

Nội dung khảo sát gồm 3 phần: (1) Khối thông tin sơ lược về doanh nghiệp (năm thành lập, số người, lĩnh vực kinh doanh, sản phẩm nằm trong chuỗi cung ứng hàng xuất khẩu sang EU) và người được phỏng vấn (thời gian bắt đầu làm việc tại doanh nghiệp, vị trí công việc); (2) Các câu hỏi liên quan đến nhận thức về cơ hội và thách thức của doanh nghiệp khi Việt Nam gia nhập EVFTA; (3) một số đề xuất kiến nghị (nếu có).

**Bảng 1.** Thông tin các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu

Tên doanh nghiệp	Năm thành lập	Sản phẩm chính	Số lượng người phỏng vấn	Số lượng nhân viên	Ghi chú
A	2015	Ván dán	5	80	Đã tham gia chuỗi cung ứng G&SPG sang EU
B	2003	Đồ gỗ nội ngoại thất, ván dán, ván dăm, ván ghép thanh	4	> 2000	Đã tham gia chuỗi cung ứng G&SPG sang EU
C	2010	Gỗ nguyên liệu, đồ gỗ mỹ nghệ, khám trai, ốc	8	20	Đã tham gia chuỗi cung ứng G&SPG sang EU
D	2007	Đồ gỗ nội thất, khám trai, ốc	9	25	Sản xuất sản phẩm nội địa
E	2016	Đồ gỗ nội thất	8	11	Sản xuất sản phẩm nội địa
Tổng số người phỏng vấn			34		

(Nguồn: Số liệu khảo sát, 2020)

#### 4. Kết quả và thảo luận

Dữ liệu nghiên cứu cho thấy việc nhận thức về cơ hội và thách thức của doanh nghiệp khảo sát có sự khác biệt rất lớn tùy theo quy mô doanh nghiệp, mô hình kinh doanh hiện tại và cách nhìn nhận về tương lai doanh nghiệp.

**Các doanh nghiệp hiện đang nằm trong chuỗi sản phẩm G&SPG xuất khẩu sang EU đều chủ động nắm thông tin về EVFTA và đánh giá các cơ hội, thách thức của doanh nghiệp mình khi EVFTA có hiệu lực với các mức độ khác nhau.** Doanh nghiệp A và B là hai doanh nghiệp trực tiếp ký hợp đồng xuất khẩu gỗ với đối tác EU nên đã thường xuyên tìm hiểu thông tin và giao nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan trong doanh nghiệp tiến hành khảo sát tiềm năng thị trường EU từ trước khi EVFTA có hiệu lực. Doanh nghiệp B là doanh nghiệp xuất khẩu với quy mô lớn, có đối tác là một số thương hiệu đồ gỗ lớn của EU, việc đánh giá cơ hội và thách thức từ tất cả các thị trường, trong đó có EU, luôn được tiến hành định kỳ cùng với các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Người phỏng vấn từ doanh nghiệp B cho biết: do là doanh nghiệp liên doanh lâu năm với đối tác EU và luôn tuân thủ các quy định khắt khe của EU từ trước đến nay, nên trong tương lai gần vài năm tới, việc Việt Nam gia nhập EVFTA chỉ có ý nghĩa đối với việc tính toán đến các dòng sản phẩm bổ sung chứ không có ý nghĩa thay đổi mô hình kinh doanh. Doanh

ngiệp C chế biến các sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ và các thành phần gỗ khám cho một số doanh nghiệp xuất khẩu sang EU và rất kỳ vọng vào việc có thêm các đơn hàng từ các doanh nghiệp xuất khẩu sang EU. Doanh nghiệp C cho biết, do là doanh nghiệp nhỏ, số lượng sản phẩm sản xuất không nhiều nên hiện tại không gặp khó khăn về nguồn cung nguyên liệu. Ngoài ra, số lượng nhân viên ít và chủ yếu là toàn người thân quen trong làng, xã nên việc kiểm soát chất lượng sản phẩm tương đối tốt. Chủ doanh nghiệp và người làm công có sự tin tưởng lẫn nhau nên có thể dễ dàng huy động tăng ca, làm thêm giờ nếu như có đơn hàng gấp. Tuy nhiên, nếu mở rộng sản xuất ra quy mô lớn, phải tuyển thêm những người bên ngoài về làm việc thì có thể sẽ gặp rủi ro trong khâu kiểm soát chất lượng sản phẩm và tiến độ sản xuất.

**Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nội địa trong nghiên cứu này chưa thực sự chú ý đến các cơ hội và thách thức từ Hiệp định EVFTA.** Chủ doanh nghiệp D và E cho biết họ cũng xem thời sự và biết được thông tin Việt Nam có ký kết hiệp định EVFTA, nhưng vì là doanh nghiệp nhỏ và chưa nghĩ tới việc mở rộng mô hình sản xuất kinh doanh nên các doanh nghiệp này hiện chỉ tập trung làm tốt các đơn hàng trong nước. Mặt khác, các doanh nghiệp này không muốn tham gia vào chuỗi cung ứng sản phẩm xuất khẩu sang EU vì có nhiều quy định khắt khe. Người phỏng

vấn từ doanh nghiệp E cho biết nguyên liệu gỗ được dùng để sản xuất tại doanh nghiệp chủ yếu là gỗ hương, mun và cẩm lai từ châu Phi, ngoài ra là gỗ Lào và Campuchia được mua lại từ một doanh nghiệp khác trong xã và cũng chưa quan tâm đến các giấy tờ chứng minh nguồn gốc hàng hóa.

*Quan điểm của chủ sở hữu về tương lai doanh nghiệp cũng quyết định việc tìm hiểu cơ hội và thách thức, cũng như chuẩn bị các điều kiện của doanh nghiệp phù hợp với Hiệp định EVFTA.* Đại diện doanh nghiệp A và B cho rằng trong dài hạn việc thay đổi để phù hợp với EVFTA là cần thiết. Trước mắt, các doanh nghiệp này chú trọng xây dựng đội ngũ nhân lực theo hướng giỏi ngoại ngữ, thành thạo nghiệp vụ kinh doanh và luật pháp quốc tế. Trong khi đó, do không xác định mở rộng mô hình sản xuất kinh doanh nên doanh nghiệp D và E chú trọng đáp ứng thị phần hiện tại. Lý do không muốn mở rộng mô hình của chủ doanh nghiệp D và E đều xuất phát từ nhận định rằng thị trường đồ gỗ trong nước còn rất tiềm năng và sản xuất sản phẩm đồ gỗ theo mô hình doanh nghiệp đồ mộc thủ công rất vất vả và so với lợi nhuận thu về. Chủ doanh nghiệp D cho biết:

“Hiện nay miền Nam đặt hàng rất nhiều mà không có sức để làm.... Tôi sinh ra ở làng nghề, học hết cấp 3, đi bộ đội xong về làng thì chỉ có làm nghề mộc.... Đóng đồ gỗ cũng vất vả, chả mong con cái theo nghề mình, chỉ cần kiếm tiền cho con ăn học đàng hoàng... Con cái ổn định, về già sẽ đóng cửa xưởng gỗ”.

Có thể nói, tất cả các doanh nghiệp được phỏng vấn trong nghiên cứu này đều có quan điểm, tầm nhìn riêng về tương lai doanh nghiệp và đều nỗ lực đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh theo kịp với xu thế phát triển của xã hội. Mức độ tìm hiểu cơ hội, thách thức từ Hiệp định EVFTA khác nhau giữa các doanh nghiệp và phần lớn được quyết định bởi tầm nhìn về tương lai của doanh nghiệp. Ngoài ra, để có thể tận dụng được các cơ hội và chuẩn bị tốt hơn khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới nói chung và EVFTA nói riêng, các doanh nghiệp phỏng vấn đều mong muốn có sự hỗ trợ tốt hơn

từ phía các cơ quan Chính phủ về mặt thông tin chính sách tới doanh nghiệp; xây dựng Luật và các chính sách kinh tế công khai, minh bạch, bớt rườm rà gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện của doanh nghiệp.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu này chỉ ra rằng các doanh nghiệp kinh doanh G&SPG có cái nhìn khác nhau về các cơ hội và thách thức của doanh nghiệp mình khi Việt Nam gia nhập EVFTA tùy theo: quy mô doanh nghiệp, mô hình kinh doanh hiện tại và cách nhìn nhận về tương lai doanh nghiệp. Để có thể tận dụng được các cơ hội và chuẩn bị tốt hơn trước làn sóng cạnh tranh do EVFTA mang lại, cần nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về vị trí, vai trò của ngành nói chung và mỗi doanh nghiệp gỗ nói riêng. Kết quả nghiên cứu cũng gợi ý rằng việc nâng cao nhận thức về EVFTA sẽ đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp gỗ chưa quan tâm đến EVFTA do đặc thù là doanh nghiệp làng nghề/doanh nghiệp gia đình và hiện đang có thị phần tương đối ổn định bởi vì các điều kiện kinh tế mới như EVFTA có thể sẽ mang lại những thay đổi bất ngờ đối với cạnh tranh và thị phần. Bên cạnh đó, cần có những chính sách mang tính ổn định và hỗ trợ của Nhà nước để doanh nghiệp làng nghề/doanh nghiệp gia đình yên tâm bỏ vốn đầu tư. Có như vậy, họ mới có thể chuyên tâm sản xuất kinh doanh và xây dựng định hướng phát triển cho doanh nghiệp.

Với đặc thù là một công trình nghiên cứu định tính, nghiên cứu này có điểm mạnh là có thể nghiên cứu sâu từng trường hợp; mở rộng câu hỏi nghiên cứu một cách linh hoạt, đa dạng; có tính chuyên biệt hóa cao với từng tình huống cụ thể. Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu định tính là độ khái quát của kết quả nghiên cứu chưa cao; lập luận và đánh giá trong bài viết khó tránh khỏi yếu tố cảm tính của người phỏng vấn. Vì vậy, để có thể đưa ra kết luận mang tính khái quát hơn đối với nhận định về cơ hội và thách thức của doanh nghiệp ngành gỗ khi Việt Nam gia nhập EVFTA, các tác giả đề xuất mở rộng đề tài nghiên cứu với một số lượng mẫu khảo sát đủ lớn để đại diện cho khu vực nghiên cứu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. V. Hoang, "What do experts say about Vietnam's opportunities and challenges when joining EVFTA?" *Financial magazine*, 2020. [Online]. Available: <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/chuyen-gia-noi-gi-ve-co-hoi-va-thach-thuc-cua-viet-nam-khi-tham-gia-evfta-324013.html>. [Accessed July 08, 2020].
- [2]. L. H. Tran, T. C. Cao and X. P. To, "Impacts of the EVFTA on Vietnam's wood products exported to the EU," WTO Centre – VCCI, 2020. [Online]. Available: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/15947-bao-cao-tac-dong-cua-hiep-dinh-evfta-toi-cac-mat-hang-go-cua-viet-nam-xuat-khau-va-ou>. [Accessed August 17, 2020].
- [3]. T. N. P. Le, and K. H. Nguyen, "Impact of removing industrial tariffs under the European – Vietnam free trade agreement: A computable general equilibrium approach," *Journal of Economics and Development*, vol. 21, no.1, pp. 2-17, 2019.
- [4]. V. Dung, "EVFTA: Opportunities and challenges for Vietnamese Enterprises," *Financial magazine*, 2020. [Online]. Available: <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/evfta-co-hoi-va-thach-thuc-cho-doanh-nghiep-viet-nam-318898.html>. [Accessed July 10, 2020].
- [5]. J. Holopainen, A. Toppinen, and S. Perttula, "Impact of European Union Timber Regulation of Forest Certification strategies in the Finish Wood Industry," *Journal of Forests*, vol. 6, no.8, pp. 2879-2896, 2020.
- [6]. T. T. H. Vu, G. Tian, B. Zhang, and T. V. Nguyen, "Determinants of Vietnam's wood products trade: application of the gravity model," *Journal of Sustainable Forestry*, vol. 39, no. 5, pp. 127-134, 2020.
- [7]. T. N. T. Nguyen, "Vietnam's wood export requires a long-term preparation," *Market Price - Forecast*, vol. 11, pp. 17-18, 2016.
- [8]. H. Nguyen, "Wood export: Opportunities from the EU market," *Industry and Trade News*, 2020. [Online]. Available: <https://congthuong.vn/xuat-khau-go-co-hoi-tu-thi-truong-eu-127413.html>. [Accessed July 10, 2020].
- [9]. S. Thanh, "Opportunity to reach \$ 1 billion wood exports to the EU," *Vietnam Agriculture Newspaper*, 2020. [Online]. Available: <https://nongnghiep.vn/co-hoi-dat-moc-1-ty-usd-xuat-khau-go-sang-eu-d270602.html>. [Accessed August 10, 2020].
- [10]. G. S. Schajer, "Wood machining: Past achievements, present capabilities, future opportunities," *Journal of Wood Material Science & Engineering*, vol. 11, no. 3, pp. 127-134, 2016.
- [11]. Ministry of Industry and Trade, "Introduction to EU-Vietnam Free Trade Agreement," 2020. [Online]. Available: [http://evfta.moit.gov.vn/?page=overview&category\\_id=fb203c7b-54d6-4af7-85ca-c51f227881dd](http://evfta.moit.gov.vn/?page=overview&category_id=fb203c7b-54d6-4af7-85ca-c51f227881dd). [Accessed August 10, 2020].
- [12]. Multilateral Trade Policy Department, "EVFTA - Crystallization of a decade non-stop efforts," Ministry of Industry and Trade of Vietnam, 2020. [Online]. Available: <https://www.moit.gov.vn/web/guest/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/evfta-ket-tinh-cua-mot-thap-ky-no-luc-khong-ngung-nghi-20103-22.html>. [Accessed August 08, 2020].
- [13]. E. Caushi, and P. Marku, "Implementation of new technologies in wood industry and their effect in wood products quality," *Albanian Journal of Agricultural Sciences*, pp. 53-56. 2014. [Online serial]. Available: <https://search.proquest.com/docview/1549923770?accountid=135225>. [Accessed July 20, 2020].
- [14]. G. R. G. Benito, B. Petersen, and L. S. Welch, "The Global Value Chain and Internalization Theory," *Journal of International Business Studies*, vol. 50, no. 8, pp. 1414-1423, 2020.
- [15]. P. Hong, "The wood industry benefits from importing raw materials from the EU," *Investment Forum*, 2020. [Online]. Available: <https://baodautu.vn/nganh-go-huong-loi-khi-nhap-nguyen-lieu-tu-eu-d116243.html>. [Accessed July 09, 2020].
- [16]. J. W. Creswell, and V. L. P. Clark, *Designing and Conducting Mixed Methods Research*. Sage, Thousand Oaks, 2011.
- [17]. J. Jonker, and B. Pennink, *The Essence of Research Methodology: A Concise Guide for Master and PhD Students in Management Science*. Springer, Berlin, 2010.